

Bản án số: **54/2024/DS-ST**
Ngày: 20-6-2024
Về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Tám

Ông Nguyễn Duy Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 371/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 04 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 371 ngày 26 tháng 04 năm 2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 371 ngày 07 tháng 05 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 371 ngày 26 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S (S1)**

Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường H, quận C, TP .;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế C ; chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCS tại Đà Nẵng (*Theo quyết định số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/11/2024*).

Ông Nguyễn Thế C ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (*Theo giấy ủy quyền số 129/2023/GUQ-CNDN ngày 15/6/2023*). (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Trần Đình L**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: 4 L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2023, bản tự khai ngày 20/6/2024 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 09/03/2016, ông Trần Đình L có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông L, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Đến ngày 31/10/2016 ông L đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 59.195.000 đồng. Ông L đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 31.888.022 đồng. Trong đó: phí trễ hạn: 331.125 đồng, phí vượt hạn mức: 150.000 đồng, phí khác: 1.349.500 đồng, lãi: 1.738.147 đồng và thanh toán gốc 28.319.250 đồng (*Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*).

Đến ngày 01/11/2016 ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông L và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Từ ngày 01/11/2016 đến 20/06/2024 ông L đã không thanh toán thêm cho ngân hàng.

Tính đến ngày 20/06/2024, ông L còn nợ ngân hàng các khoản sau: Dư nợ: 35.714.651 đồng; Lãi quá hạn: 102.470.917 đồng; Tổng cộng: 138.185.568 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu, một trăm tám mươi lăm ngàn, năm trăm sáu mươi tám đồng); Lãi suất trong hạn là 2,50%/tháng và lãi suất quá hạn là 3,75%/tháng (2.50% x 150%)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông L có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông L vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã quy định tại Hợp đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn: Buộc ông Trần Đình L phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/06/2024 là 138.185.568 đồng (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu, một trăm tám mươi lăm ngàn, năm trăm sáu mươi tám đồng*) trong đó:

- Dư nợ: 35.714.651 đồng
- Lãi quá hạn: 102.470.917 đồng

Buộc ông Trần Đình L phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/06/2024 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Bị đơn Ông Trần Đình L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo hòa giải và thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ nhưng ông L vẫn vắng

mặt và không có ý kiến phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S1 buộc ông Trần Đình L phải thanh toán cho S1 số tiền tính đến ngày 20 tháng 6 năm 2024 là 138.185.568 đồng, trong đó: Dư nợ là 35.714.651 đồng; Lãi quá hạn là 102.470.917 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền trên thì ông L phải trả lãi quá hạn trên số dư nợ gốc theo thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã ký kết và theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục và nội dung giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo kết quả xác minh ngày 24/5/2024 tại địa phương nơi ông L sinh sống ghi nhận: Ông Trần Đình L sinh năm 1989 có hộ khẩu thường trú ở địa chỉ 4 L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Ông Trần Đình L hiện không có tại địa chỉ trên, đi đâu, làm gì không rõ. Bị đơn đã thay đổi nơi cư trú ghi trong hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư mới. Theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 BLDS năm 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ. Trong trường hợp này, Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho Bị đơn là có cơ sở theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017.

Bị đơn là ông Trần Đình L đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 09 tháng 03 năm 2016, ông Trần Đình L có ký với S1 Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn 3.75%/tháng (2,5% x 150%) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000 đồng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.195.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, đến ngày 01/11/2016 ông Trần Đình L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 02 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp nhưng ông L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Đình L phải thanh toán số tiền tính đến ngày tính đến ngày 20 tháng 6 năm 2024 là 138.185.568 đồng, trong đó: Dư nợ là 35.714.651 đồng; Lãi quá hạn là 102.470.917 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, S1 thay đổi nội dung khởi kiện về số tiền nợ lãi là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thì thấy: Căn cứ "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng" được phê duyệt ngày 09 tháng 3 năm 2016 giữa S1 với ông Trần Đình L; "Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1 (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 21 tháng 9 năm 2015"; Quyết định số 4220/2016/QĐ-TTT ngày 23/12/2016 về việc Ban hành Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam của S1, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định S1 có cho ông Trần Đình L vay tổng số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,5 %/tháng, lãi suất quá hạn 3,75%/tháng (2,5% x 150%), với mục đích tiêu dùng cá nhân thỏa thuận theo các văn bản đã nêu trên. Đây là Hợp đồng tín dụng, có nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên khi ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; cần buộc ông Trần Đình L phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 20 tháng 6 năm 2024 là 138.185.568 đồng, trong đó: Dư nợ là 35.714.651 đồng; Lãi quá hạn là 102.470.917 đồng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - Ông Trần Đình L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 138.185.568 đồng x 5% ~ 6.909.278 đồng.

[5] Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 180, 227, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP S đối với ông Trần Đình L.

Buộc Ông Trần Đình L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến số tiền tính đến ngày 20 tháng 6 năm 2024 là 138.185.568 đồng, trong đó: *Dư nợ là 35.714.651 đồng; Lãi quá hạn là 102.470.917 đồng.*

Kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2024, ông Trần Đình L còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP S với lãi suất theo "*Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng*" được phê duyệt ngày 09 tháng 3 năm 2016 giữa Ngân hàng TMCP S với ông Trần Đình L và "*Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 21 tháng 9 năm 2015*" tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chưa thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 6.909.278 đồng ông Trần Đình L phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 3.089.544 đồng (*Bằng chữ: Ba triệu, không trăm tám mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0001077 ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Kim Ánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ